

UBND TỈNH AN GIANG
CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AG

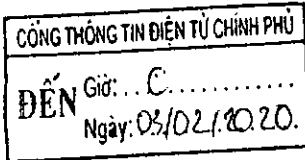
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/CTY-PKH

An Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2020

V/v công bố thông tin
tình hình thực hiện cổ phần hóa
Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Kính gửi:



- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần,

Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang thực hiện công bố thông tin tình hình thực hiện cổ phần hóa của doanh nghiệp với các nội dung như sau:

- Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa: theo Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh An Giang.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa: theo Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh An Giang.

- Danh mục tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: theo Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh An Giang.

- Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh An Giang.

(đính kèm 04 quyết định phê duyệt của UBND tỉnh An Giang).

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KH.



CHỦ TỊCH

Phạm Châu Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 315/QĐ-UBND

An Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG	
K' ĐEN	Số: 391
	Ngày: 20.12.19.....
	Chuyên: LT, BCS, KSV

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

PRHC, MTV, PKH Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Đ²GV Cty Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3047/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc bổ sung Xí nghiệp phà Tân Châu vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang tại Tờ trình số 1774/TTr-BCĐCPH ngày 24/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang với nội dung như sau:

1. Công ty tiếp tục sử dụng đất sau cổ phần hóa với diện tích là 108.791,4 m²; hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Công ty không có nhu cầu sử dụng điều chuyển, bàn giao lại các đơn vị khác quản lý, sử dụng với diện tích là 50.798,8 m².

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

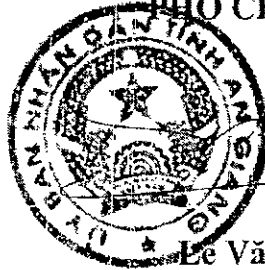
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Trưởng Cục thuế, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cty TNHH MTV Phà An Giang;
- VPUBND tỉnh: CVP & P. KTTH;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

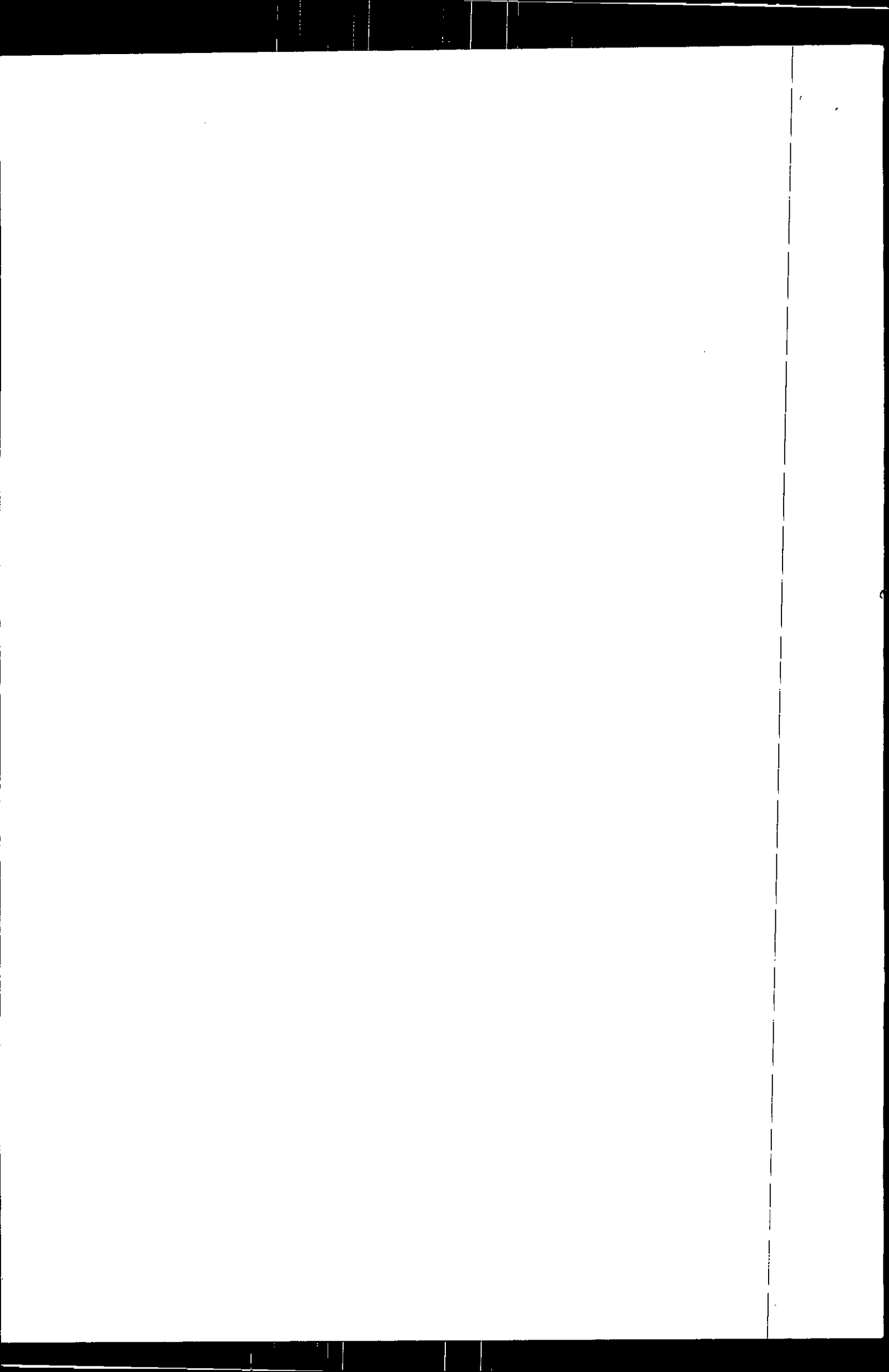


[Handwritten signature]
Le Văn Nưng

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA CỦA CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
(Đính kèm theo Quyết định số: 3159/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

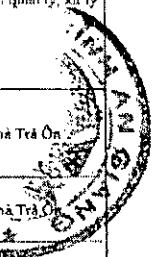
STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa			Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Mã hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Văn phòng Công ty TNHH MTV PHÀ AN GIANG + XN PHÀ AN HÒA, Số 360, Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên	2.806,10	3.104,00	- Về đất 03 Giấy CNQSDĐ. + CT 05696 do Sở TNMT cấp ngày 07/12/2012 + CT 05695 do Sở TNMT cấp ngày 07/12/2012 + CT 05694 do Sở TNMT cấp ngày 07/12/2012 - Về nhà, Công văn số 2825/UBND-XĐCD ngày 23/8/2007 của UBND tỉnh	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Tru sở làm việc	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
2	Bến phà Phú An Hòa (XN Phà An Hòa - bờ Chợ Mới), Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới	1.511,08	37.703,60	- Quyết định số 2654/QĐ - UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh - Bản đồ giao đất, cho thuê đất ngày 20/12/2006 của Văn phòng ĐKĐ & TTNMT (DT 24.768,4 m ²). - Quyết định số 1262/QĐ - UBND ngày 17/6/2009 của UBND tỉnh - Bản đồ giao đất, cho thuê đất ngày 21/4/2009 của Văn phòng ĐKĐ & TTNMT. - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Xây dựng bến phà An Hòa		Bến phà An Hòa		
a	Khu vực bến phà	1.511,08	24.766,20					Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Để nghị giữ lại tiếp tục sử dụng 24.766,2m ² đất 1.511,08 m ² nhà và các hạng mục công trình để làm Bến Phà Phú An Hòa
b	Đường dẫn vào bến phà		12.937,40						Để nghị thu hồi đường dẫn vào Bến Phà An Hòa thuộc xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới khoảng 12.937,40m ²
3	Bến phà Ô MÔI, Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên.	126,44	265,40	- Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 10/10/2006 của UBND tỉnh. - Bản đồ thu hồi đất ngày 12/9/2006 của Văn phòng ĐKĐ & TTNMT	Xây dựng bến phà Ô MÔI		Bến phà Ô MÔI		Để nghị điều chuyển về UBND TP Long Xuyên quản lý, xử lý
4	Văn phòng XI nghiệp Phú Năng Gù, Xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú.	218,52	175,10	GCNQSD số CT10591 ngày 14/4/2015 do Sở TNMT cấp	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Tru sở làm việc	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Tru sở làm việc
5	Bến phà Năng Gù (bờ Phú Tân), Xã Bình Thuận Đông, huyện Phú Tân.	154,80	7.199,20	- GCNQSD số 09001/QSDĐ/TX ngày 30/8/1998 do UBND tỉnh + hồ sơ kỹ thuật khu đất + Trang bìa móng + Trích lục hồ sơ địa chính - Quyết định số 594/QĐ-CT UB ngày 27/3/2000 của UBND tỉnh. + Quyết định số 748/QĐ-CT UB ngày 10/4/2000 của UBND tỉnh. - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	CD (chuyên dùng). Xây dựng bến phà Năng Gù.	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm Thời hạn 50 năm kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2017	- Bến phà Năng Gù 5.056,6 m ² - Đất tái định cư dự án 1.000 m ² - Đất trồng 1.142,6 m ²		



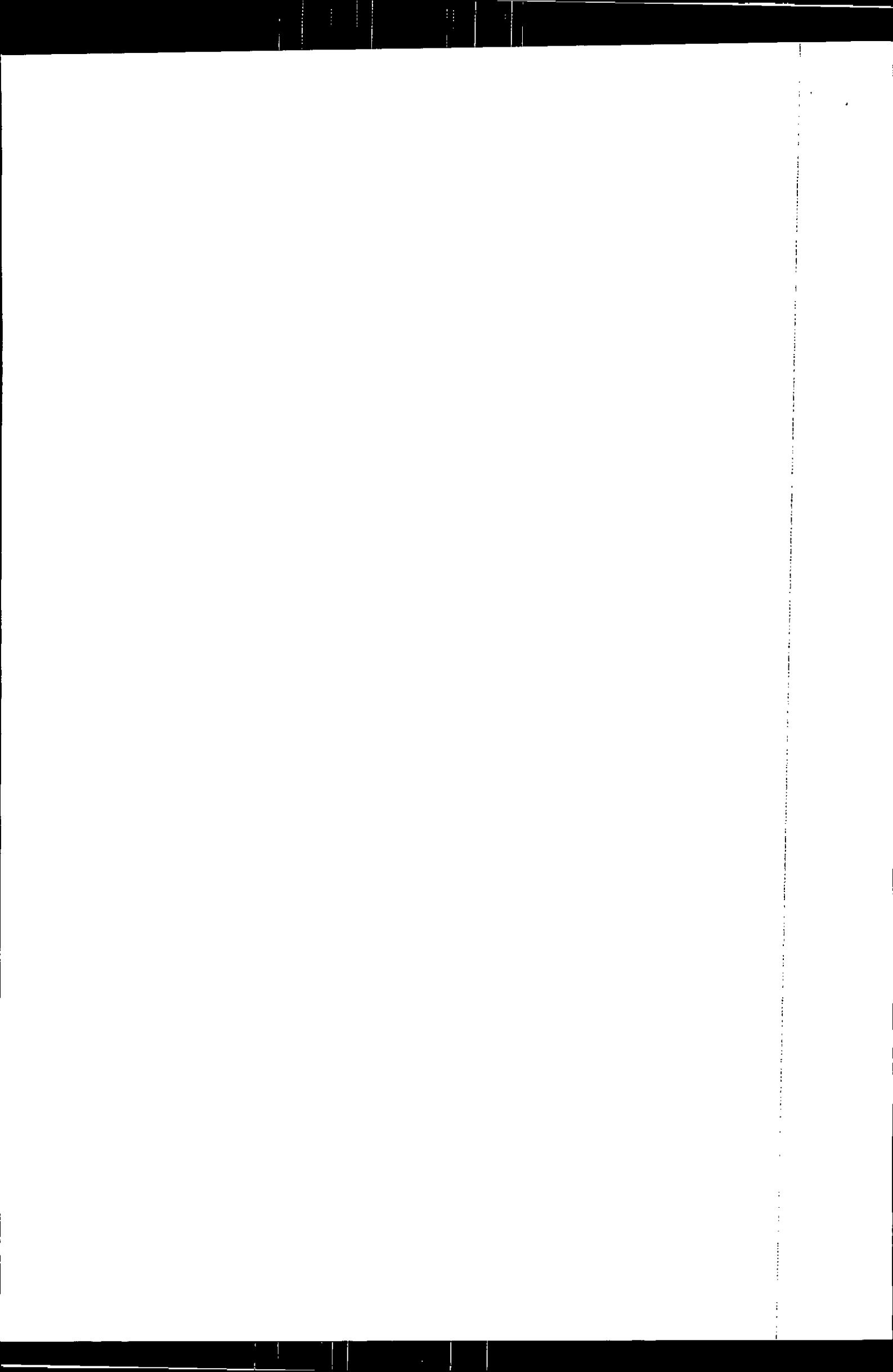


	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Số sổ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất (thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa)			Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất
	a Khu vực bến phà	154,80	5.056,60					Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Đề nghị giữ lại tiếp tục sử dụng 154,80 m ² nhà; 5.056,6 m ² đất trong đó 4.036 m ² đã được cấp giấy chứng nhận và 1.020,6 m ² đất bãi bồi để làm Bến phà Nông Cống
	b Đất tái định cư và đất trồng		2.142,60						Đề nghị thu hồi, xử lý 2.142,60 m ² (trong đó khoảng 1.990 m ² đất tái định cư và 1.142,6 m ² đất trồng)
6	XN Phà Thuận Giang (bờ Chợ Mới), Xã Kiến An, huyện Chợ Mới.	271,60	23.331,00	- QĐ số 3660/QĐ-UBND ngày 12/11/1998 của UBND tỉnh - QĐ số 7023/QĐ-UBND ngày 26/9/1997 của UBND tỉnh. - QĐ số 912/QĐ-UBND ngày 20/5/1998 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Xây dựng bến phà và đường dẫn vào bến phía Thuận Giang	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Bến phà và đường dẫn vào bến phía Thuận Giang		
	a Khu vực bến phà	271,60	7.022,50					Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Đề nghị giữ lại tiếp tục sử dụng 7.022,5 m ² đất; 271,6 m ² nhà và các hạng mục công trình để làm bến phà Thuận Giang
	b Đường dẫn vào bến phà		16.308,50						Đề nghị thu hồi đường dẫn vào bến phà khoảng 16.308,50m ² của Xi nghiệp phà Thuận Giang thuộc xã Kiến An, huyện Chợ Mới
7	XN Phà Thuận Giang (bờ Phú Tân), Xã Tân Trung (cũ Tân Hòa cũ), huyện Phú Tân	581,80	26.726,00	- QĐ số 3001/QĐ-UBND ngày 12/11/1998 của UBND tỉnh - QĐ số 7023/QĐ-UBND ngày 26/9/1997 của UBND tỉnh - QĐ số 911/QĐ-UBND ngày 20/5/1998 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Xây dựng bến phà và đường dẫn vào bến phía Thuận Giang	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Bến phà và đường dẫn vào bến phía Thuận Giang		
	a Khu vực bến phà	581,80	9.704,80					Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Đề nghị giữ lại tiếp tục sử dụng 9.704,8 m ² đất; 581,8 m ² nhà và các hạng mục công trình để làm bến phà Thuận Giang
	b Đường dẫn vào bến phà		17.021,20						Đề nghị thu hồi đường dẫn vào bến phà khoảng 17.021,20 m ² của Xi nghiệp phà Thuận Giang thuộc xã Tân Trung, huyện Phú Tân
8	Bến phà Tân An, Phường Long Châu, TX Tân Châu.	107,55	131,60	- GCN QSD số CT10552 ngày 02/4/2015 do Sở TNMT cấp - Biên bản Bàn giao, tiếp nhận tài sản công ngày 01/08/2019	Văn phòng bến phà Tân An	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Đã bàn giao thị xã Tân Châu quản lý		Đề nghị điều chuyển về UBND thị xã Tân Châu quản lý, xử lý

STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Mã số pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa			Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất ghe...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất ghe...)	Mục đích sử dụng đất
9	Trên TP Hồ Chí Minh. Số 923, Trần Xuân Soan, P. Tân Hưng, Q.7, TP Hồ Chí Minh	209,11	119,00	- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây dựng TP HCM cấp ngày 23/10/2003. - Biên bản kiểm tra hiện trạng do đại diện Bộ Tài chính chủ trì	Trụ sở làm việc		Bỏ trống	Đề nghị điều chuyển về Sở Công thương tỉnh An Giang	
10	Bến Phà An Hòa dự phòng (bến phà cũ)	208,44	1.126,70	Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến phà An Hòa	Thuế đất trả tiền thuế đất hàng năm	Bến phà An Hòa (dự phòng)	Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Xây dựng bến phà An Hòa
11	Bến neo đậu và công trình giao thông, bến phụ phà An Hòa Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới.		43.243,80	- QĐ số 373/QĐ-UBND ngày 04/04/2008 của UBND tỉnh - Bản đồ giao đất, cho thuê đất ngày 27/3/2008 của Văn phòng đăng ký đất đai và Thông tin môi trường mỗi thửa. - Bản đồ hiện trạng ngày 22/7/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến neo đậu phà và bến vệ công trình giao thông		Bến neo đậu phà và bảo vệ công trình giao thông	Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Xây dựng bến neo đậu phà và bảo vệ công trình giao thông
12	Bến phà Ô Mỏi, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên.	63,20	76,60	- CV số 2148/CV-UB ngày 19/8/2004 của UBND tỉnh. - TB số 42/TB-VP ngày 08/3/2018 của Văn phòng UBND và UBND thành phố Long Xuyên. - TB số 01/1 B-VPUHND ngày 02/01/2018 của VP UBND tỉnh. - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKDD tỉnh lập.	Xây dựng bến phà Ô Mỏi		Trụ sở làm việc	Đề nghị điều chuyển về UBND TP Long Xuyên quản lý, xử lý	
13	Bến phà Trà Ôn, Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên.	87,60	435,90	- CV số 2148/CV-UB ngày 19/8/2004 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến phà Trà Ôn		Bến phà Trà Ôn	Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Xây dựng bến phà Trà Ôn
14	Bến phà Trà Ôn, XÃ MỸ HÒA HƯNG, TP. Long Xuyên.	25,20	257,30	Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến phà Trà Ôn		Bến phà Trà Ôn	Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Xây dựng bến phà Trà Ôn
15	Xí nghiệp Phà Mương Ranh, Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành.		180,00	- Thông báo số 186/TB-UBND ngày 12/11/2010 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Bến phà Mương Ranh		Bến phà Mương Ranh	Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Bến phà Mương Ranh
16	Xí nghiệp Phà Mương Ranh (bà Chợ Mới), Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới.	124,70	3.179,40	- TB số 35/TB-UBND ngày 03/10/2012 của UBND tỉnh. - QĐ số 1518/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKDD tỉnh lập	Xây dựng bến phà Mương Ranh		Bến phà Mương Ranh và đường dẫn vào Bến phà		
a	Khu vực bến phà	124,70	1.382,30					Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Đề nghị giữ lại tiếp tục sử dụng 1.382,3 m ² đất; 124,7 m ² nhà và các hạng mục công trình để làm Bến phà Mương Ranh
b	Đường dẫn vào bến phà		1.797,10						Đề nghị thu hồi đường dẫn vào bến phà khoảng 1.797,1 m ² của Xí nghiệp phà Mương Ranh thuộc xã Nhơn Mỹ, Chợ Mới
17	Bến phà Nàng Gù, Xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú.	5,96	516,20	- QĐ số 991/QĐ-UBND ngày 31/8/1996 của UBND tỉnh. - QĐ số 681/QĐ-UB ngày 14/4/1997 của UBND tỉnh - QĐ số 517/QĐ-CT UB ngày 14/3/2000 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKDD tỉnh lập	Xây dựng bến phà Nàng Gù		Bến phà Nàng Gù	Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Xây dựng bến phà Nàng Gù



STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cơ phần hóa			Phương án sử dụng đất sau khi cơ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất
18	Văn phòng Xi nghiệp Phá Châu Giang, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc.	224,00	14,3	- QĐ số 991/QĐ-UB ngày 31/8/1996 của UBND tỉnh - QĐ số 681/QĐ-UB ngày 14/4/1997 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập.	Trụ sở làm việc		Trụ sở làm việc	Thuê đất trả tiền thuê hằng năm	Trụ sở làm việc
19	Bến phà Châu Giang (bờ Châu Đốc), Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc	77,30	698,40	- QĐ số 991/QĐ-UB ngày 31/8/1996 của UBND tỉnh - QĐ số 681/QĐ-UB ngày 14/4/1997 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng ĐKKDD tỉnh lập	Xây dựng Bến phà Châu Giang		Bến phà Châu Giang	Thuê đất trả tiền thuê hằng năm	Xây dựng Bến phà Châu Giang
20	Bến phà Châu Giang (bờ Tân Châu), Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.	30,50	820,90	- QĐ số 991/QĐ-UB ngày 31/8/1996 của UBND tỉnh - QĐ số 681/QĐ-UB ngày 14/4/1997 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng ĐKKDD tỉnh lập	Xây dựng Bến phà Châu Giang		Bến phà Châu Giang	Thuê đất trả tiền thuê hằng năm	Xây dựng Bến phà Châu Giang
21	Bến phà Châu Giang (bờ Châu Đốc), Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc		506,60	- Công văn số 2088/VPUBND-DTXD ngày 05/10/2012 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc mở bến phà phà Châu Giang. - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng Bến phà Châu Giang		Bến phà Châu Giang	Thuê đất trả tiền thuê hằng năm	Xây dựng Bến phà Châu Giang
22	Bến phà Châu Giang (bờ Tân Châu), Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.		1.122,90	- Công văn số 2088/VPUBND-DTXD ngày 05/10/2012 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc mở bến phà phà Châu Giang. - Sơ đồ thửa đất bến phà phà Châu Giang - Châu Đốc số 108/12/CP ngày 30/11/2012 của Văn phòng đăng ký QSDĐ Tân Châu.	Xây dựng Bến phà Châu Giang		Bến phà Châu Giang	Thuê đất trả tiền thuê hằng năm	Xây dựng Bến phà Châu Giang
23	Đeo phà Tân Châu, Phường Long Thành, thị xã Tân Châu.		570,30	- CV số 3273/UBND-XDCH ngày 22/10/2010 của UBND tỉnh - CV số 4624/UBND-KT ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 22/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến phà Tân Châu		Bến phà Tân Châu.	Thuê đất trả tiền thuê hằng năm	Xây dựng bến phà Tân Châu
24	Ni nghiệp Phá Tân Châu, Phường Long Thành, thị xã Tân Châu	281,20	6.021,40	Đất mua qua đấu giá. Chưa chuyển quyền sử dụng đất. Hiện tại đang thực hiện tiếp tục GPMB thêm để thực hiện dự án.				Thuê đất trả tiền thuê hằng năm	Xây dựng bến phà Tân Châu
	Tổng cộng	7.205,60	159.590,20						





Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh
Email: ubnd@an giang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Ngày ký: 10-01-2020 10:29:13 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3252/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang giai đoạn 2020 - 2024

**CÔNG TY TNHH MTV
PHÀ AN GIANG**

ĐEN Số:
Ngày: 10.01.20
Chuyên: Căn cứ Luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
PKH, Tờ GV Cty Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 1847/TTr-STC ngày 31/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang giai đoạn 2020 - 2024 với các nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa giai đoạn 2020 - 2024 được phê duyệt, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định. Thực hiện gửi và công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh (h/c);
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Công ty TNHH MTV Phà AG;
- VPUBND tỉnh: CVP & P. KTTH;
- Lưu: HCIC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



lllll
Lê Văn Nung

PHỤ LỤC

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa
của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang giai đoạn 2020 – 2024
(Kèm theo Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 31/12/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Mục tiêu tổng quát

1. Mục tiêu kinh doanh:

a) Tập trung vào ngành nghề chính của Công ty là cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh; đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại đơn vị; góp phần đảm bảo vấn đề an sinh xã hội, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

b) Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp một cách toàn diện từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề hoạt động, chiến lược phát triển, nâng cao năng suất lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong thời kỳ mới; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa doanh nghiệp theo đúng kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 16/9/2019.

2. Định hướng phát triển:

a) Thực hiện tái cơ cấu công ty một cách toàn diện từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề hoạt động, chiến lược phát triển. Tổ chức lại công ty cho phù hợp với thực trạng và yêu cầu nhiệm vụ.

b) Hoàn thiện các thể chế, chính sách, nâng cao năng suất lao động đáp ứng nhu cầu xã hội trong thời kỳ mới; nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề đang hoạt động.

c) Thực hiện công tác cổ phần hóa đúng theo lộ trình của chủ sở hữu đề ra. Dự kiến trong Quý IV năm 2020 sẽ hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

II. Nội dung

1. Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông đường thủy, lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2020 – 2024:

- Hoàn tất công tác cơ cấu, sắp xếp lại lao động khối trực tiếp và thực hiện cơ cấu lại khối gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả; thực hiện các giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, hàng hóa đảm bảo an toàn, nhanh chóng, phục vụ văn minh - ứng xử văn hóa;

- Đòi mới cơ chế quản lý tiền lương, tiền thưởng nhằm thực sự chủ động trong việc trả lương, trả thưởng gắn liền với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người lao động, qua đó thu hút lao động có trình độ cao vào làm việc;

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của doanh nghiệp trong lĩnh vực vận chuyển phà, tăng cường công tác quản trị tại các đơn vị trực thuộc, rà soát, đánh giá, phân tích về các khoản chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm xây dựng phương án khoán chi phí hoạt động cho từng đơn vị trực thuộc;

- Dự kiến quý 2/2020 sẽ kết thúc hoạt động bến phà Ô Môi và hoàn tất công tác bàn giao về cho Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên quản lý; tổ chức thực hiện liên kết trong vận hành, khai thác bến phà Tân Châu - Hồng Ngự.

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2020 - 2024, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I	Tổng doanh thu	Tr.đ	183.100	185.183	188.246	202.196	206.833
1	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	"	180.100	183.183	186.846	200.846	206.133
2	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	"	2.500	1.500	1.200	1.000	400
3	<i>Thu nhập khác</i>	"	500	500	200	350	300
II	Tổng chi phí	"	182.400	183.200	186.200	199.700	203.800
1	<i>Giá vốn hàng bán</i>	"	165.535	166.051	168.855	182.199	185.894
2	<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>	"	2.767	2.731	2.840	2.897	2.608
3	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	"	14.060	14.368	14.500	14.613	15.342
III	Lợi nhuận:	Tr.đ					
1	Lợi nhuận trước thuế	"	700	2.000	2.000	2.500	3.000
2	Thuế TNDN	"	140	400	400	500	600
3	Lợi nhuận sau thuế	"	560	1.600	1.600	2.000	2.400
IV	Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ						
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH (%)	%	0,3%	1,0%	1,0%	1,2%	1,4%
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tr.đ	280	800	800	1.000	1.200
3	Trích quỹ khen thưởng BDH	"	28	80	80	100	200
4	Trích quỹ đầu tư phát triển	"	56	160	160	200	240
5	Chia cổ tức	"	196	560	560	700	840
V	Vốn điều lệ dự kiến	Tr.đ	167.520	167.520	167.520	167.520	167.520

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3273/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, Trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang;

Căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa chuyên doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo Phương pháp tài sản và Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang tại thời điểm ngày 31/12/2018 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán CPA VIETNAM lập ngày 31/12/2019;

Căn cứ Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ban Chi đạo cổ phần hóa theo Phương pháp tài sản và Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang tại thời điểm ngày 31/12/2018;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Chi đạo cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang tại tờ trình số 1866/TTr-BCĐCPH ngày 31/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang để cổ phần hóa như sau:

Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản là **309.434.244.081** đồng (*Ba trăm lẻ chín tỷ, bốn trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi một đồng*), trong đó:

Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo phương pháp tài sản là **278.436.711.523** đồng (*Hai trăm bảy mươi tám tỷ, bốn trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười một ngàn, năm trăm hai mươi ba đồng*).

Điều 2. Tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa (Tính theo giá trị sổ sách kế toán):

1. Tài sản không cần dùng, chờ bàn giao cho các sở, ngành có liên quan:

a) Đối với tài sản cố định:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 45.383.631.178 đồng.
- Giá trị hao mòn lũy kế: 14.189.051.516 đồng.
- Giá trị còn lại: 31.194.579.662 đồng.

b) Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí đã đầu tư: 161.068.833.748 đồng.
- Giá trị phân bổ: 0 đồng.
- Giá trị còn lại: 161.068.833.748 đồng.

2. Tài sản không cần dùng, bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 3.227.307.156 đồng.
- Giá trị hao mòn lũy kế: 3.227.307.156 đồng.
- Giá trị còn lại: 0 đồng.

Căn cứ vào giá trị doanh nghiệp được xác định tại Điều 1, Ban Chi đạo cổ phần hóa của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang thực hiện các bước tiếp theo để cổ phần hóa theo quy định.

Điều 3. Ban Chi đạo cổ phần hóa chỉ đạo Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang có trách nhiệm bàn giao tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa cho các Sở, ngành liên quan và Công ty Mua bán nợ Việt Nam theo quy định. Trong khi chưa bàn giao, chờ xử lý, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang có trách nhiệm tiếp tục bảo quản, không để xảy ra thất thoát tài sản của Nhà nước.

Riêng đối với cơ sở nhà, đất tại địa chỉ số 923 đường Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ thực hiện chuyển giao sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chi đạo đổi mới & PTDN TW;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, KH&ĐT, LĐ-TB&XH, NV,
- Cục Thuế tỉnh;
- Công ty TNHH MTV Phà An Giang;
- Công TTĐT tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP & P. KTTH;
- Lưu: HCTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban Nhân
dân tỉnh
Email:
ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Ngày ký: 22-01-2020
08:21:41 +07:00

Lê Văn Nung

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3254/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG	
Số: 32	
Ngày: 31.01.20	
Chuyển: W. BGD. KS	

phân hóa Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1849/TTr-STC ngày 31/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Giá trị còn lại của tài sản không cần dùng chờ bán giao cho các Sở, ngành có liên quan là 192.263.413.410 đồng, trong đó:

a) Đối với tài sản cố định:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 45.383.631.178 đồng

- Giá trị hao mòn lũy kế: 14.189.051.516 đồng

- Giá trị còn lại: 31.194.579.662 đồng
- b) Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang:
 - Chi phí đã đầu tư: 161.068.833.748 đồng
 - Giá trị phân bổ: 0 đồng
 - Giá trị còn lại: 161.068.833.748 đồng

2. Giá trị còn lại tài sản không cần dùng bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam là 81.549.839 đồng, trong đó:

- a) Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 3.227.307.156 đồng
- b) Giá trị hao mòn lũy kế: 3.145.757.317 đồng
- c) Giá trị còn lại: 81.549.839 đồng

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ danh mục tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp để đồ phân hóa được phê duyệt, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang có trách nhiệm tổ chức bàn giao cho các Sở, ngành có liên quan và Công ty Mua bán nợ Việt Nam theo quy định. Trong khi chưa bàn giao, chờ xử lý, Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang có trách nhiệm tiếp tục bảo quản, không để xảy ra thất thoát tài sản của Nhà nước theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Công ty TNHH MTV Phà AG;
- VPUBND tỉnh: CVP & P. KTTH;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh
Email: ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Ngày ký: 17-01-2020
09:19:43 +07:00

Lê Văn Nung

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1749 /TTr - STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt danh mục tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp
để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG	
Số: 20
Ngày: 12.01.20
Chuyển: CT, KĐ, K&Y

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang; Quyết định số 3047/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc bổ sung Xi nghiệp phà Tân Châu vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại công văn số 1307/UBND-KTTH ngày 31/12/2019 về việc xử lý đề nghị phê duyệt danh mục tài sản không cần dùng, chờ thanh lý của Công ty TNHH MTV Phà An Giang;

Theo đề nghị của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang tại Tờ trình số 507/TTr-Cty ngày 27/5/2019 về việc phê duyệt danh mục tài sản cố định không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý và chờ bàn giao,

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An

Giang về việc phê duyệt lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2018, Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang còn các tài sản không cần dùng chờ bàn giao cho các Sở, ngành có liên quan và Công ty Mua bán nợ Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Giá trị còn lại của tài sản không cần dùng chờ bàn giao cho các Sở, ngành có liên quan: 192.263.413.410 đồng, trong đó:

a) Đối với tài sản cố định:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 45.383.631.178 đồng
- Giá trị hao mòn lũy kế: 14.189.051.516 đồng
- Giá trị còn lại: 31.194.579.662 đồng

b) Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí đã đầu tư: 161.068.833.748 đồng
- Giá trị phân bổ: 0 đồng
- Giá trị còn lại: 161.068.833.748 đồng

2. Giá trị còn lại tài sản không cần dùng bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam là 81.549.839 đồng, trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 3.227.307.156 đồng
- Giá trị hao mòn lũy kế: 3.145.757.317 đồng
- Giá trị còn lại: 81.549.839 đồng

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Tài sản không cần dùng chờ bàn giao cho các Sở, ngành có liên quan và Công ty Mua bán nợ Việt Nam phù hợp với quy định tại Điều 14 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ. Để Công ty triển khai các bước tiếp theo của quy trình cổ phần hóa doanh nghiệp, Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty TNHH MTV Phà An Giang;
- Ban Giám đốc STC;
- Lưu: VT, TCDN.

(Đính kèm dự thảo Quyết định)

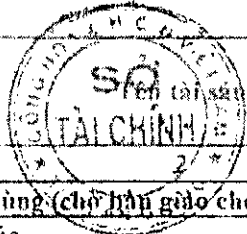
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Lan

PHỤ LỤC

Danh mục tài sản cố định không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý và chờ bàn giao
(Đính kèm Tờ trình số 131/TTTr-STC ngày 31/12/2019 của Sở Tài chính)



STT		SL (m ² /cái)	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách			Danh mục
				Nguyên giá (VND)	Hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)	
1		3	4	5	6	7 = (5-6)	8
A	Tài sản không cần dùng (chờ bàn giao cho địa phương)			206.452.464.926	14.189.051.516	192.263.413.410	
I	Nhà cửa vật kiến trúc			40.897.757.756	9.887.270.882	31.010.486.874	
1	Trạm giao dịch TP.HCM 923 Trần Xuân Soạn			1.268.041.986	859.364.040	408.677.946	
2	Trạm giao dịch TP.HCM 923 Trần Xuân Soạn			11.882.700	7.597.521	4.285.179	[1]
3	Trạm giao dịch TP.HCM 923 Trần Xuân Soạn			110.129.060	69.217.416	40.911.644	
4	Bồi hoàn dân cư cầu Côn Tiên (02 bờ)		2007	20.752.448.354	-	20.752.448.354	[2]
5	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa		2010	1.594.186.767	710.558.424	883.628.343	
6	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa	12.937,40	2010	10.813.377.741	4.821.083.325	5.992.294.416	
7	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa		2010	40.628.455	18.113.298	22.515.157	[3]
8	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa		2011	39.373.636	14.665.374	24.708.262	
9	Bãi chuối Bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu		2010	83.542.619	83.542.619	-	
10	Nhà chờ khách bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu		2010	140.466.090	140.466.090	-	
11	Nhà chờ khách bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu		2010	9.284.340	9.284.340	-	[4]
12	Bãi chuối Bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu		2012	104.502.864	104.502.864	-	
13	Mỏ trụ Cầu Bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi		2014	490.888.000	490.888.000	-	
14	Xây dựng bờ kè Bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi		2014	273.798.382	273.798.382	-	
15	Nhà chờ khách Bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi		2014	42.557.273	42.557.273	-	[5]
16	Đường dẫn Bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi		2014	412.443.350	412.443.350	-	
17	Xây dựng mỏ trụ Bờ Mỹ Long - Phà Ô Môi		2014	496.263.632	496.263.632	-	
18	Nhà chờ khách, nhà trực bờ Mỹ Long - Phà Ô Môi		2007	131.060.000	131.060.000	-	[6]
19	Bờ kè bờ Mỹ Long - Phà Ô Môi		2007	292.475.455	292.475.455	-	
20	Hệ thống thoát nước bờ Chợ Mới - Phà Mương Ranh		2015	550.761.818	359.525.075	191.236.743	
21	Mặt bến, cống ngang đường bờ Chợ Mới - Phà Mương Ranh (cống ngang đường)		2015	185.513.773	121.099.269	64.414.504	[7]
22	Đường dẫn bờ Chợ Mới - Phà Mương Ranh	1.797,10	2015	584.679.728	428.765.135	155.914.593	
23	Đường xuống phà bờ Phú Tân - Phà Thuận Giang	17.021,20	1999	1.475.743.055	-	1.475.743.055	
24	Đường xuống phà bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang	16.308,50	1999	993.708.678	-	993.708.678	[8]
II	Phương tiện vận tải			4.485.873.422	4.301.780.634	184.092.788	
1	Vĩ quá độ Bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi		2014	36.423.698	36.423.698	-	
2	Làm mới ống thả neo bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi		2017	240.094.195	56.001.407	184.092.788	[9]

STT	Tên tài sản	SL (m2/cái)	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách			Danh mục
				Nguyên giá (VND)	Hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)	
1	2	3	4	5	6	7 = (5-6)	8
3	Trụ neo 2 bờ -Phà Tân An		2012	86.535.986	86.535.986		[10]
4	Trụ chống va + Vĩ quá độ bờ Mỹ Long - Phà Ô Mỏi		2014	224.466.635	224.466.635		
5	Trụ chống va + Vĩ quá độ bờ Bờ Mỹ Long - Phà Ô Mỏi		2014	36.423.698	36.423.698		
6	Ponton AG 13715 (V67 - 13197) - Bờ Mỹ Long		2005	1.930.514.605	1.930.514.605		[11]
7	Ponton AG 13716 (V67 - 13198) - Bờ Mỹ Hòa Hưng		2005	1.930.514.605	1.930.514.605		
III	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			161.068.833.748	-	161.068.833.748	
1	Đường tỉnh lộ 944			161.068.833.748	-	161.068.833.748	[12]
B	Tài sản không cần dùng (Bàn giao cho Công ty Mua Bán nợ Việt Nam)			3.227.307.156	3.145.757.317	81.549.839	
I	Máy móc thiết bị			111.642.646	111.642.646	-	
1	Cần xe tải xách tay RW10S Phà Thuận Giang	1,00	2012	43.000.000	43.000.000		
2	Trạm biến áp bên Thuận Giang phần xưởng II	1,00	2013	68.642.646	68.642.646		[13]
II	Phương tiện vận tải			3.115.664.510	3.034.114.671	81.549.839	
1	Tàu kéo (AG - 10437)	1,00	2004	428.136.659	346.586.820	81.549.839	
2	Phà A 25 - KG 01684	1,00	2014	-	-	-	[14]
3	Cầu dẫn + Lê bộ hành bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang		2014	567.196.772	567.196.772		
4	Liên gia cường và VQĐ Bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang		2014	113.376.460	113.376.460		
5	Thay 40 hộp sàn Bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang		2014	263.407.826	263.407.826		[15]
6	Cầu dẫn bờ Phú Tân - Phà Thuận Giang		2014	1.374.939.783	1.374.939.783		
7	Trụ chống va Bờ Long Xuyên - Phà An Hòa		1999	338.437.976	338.437.976		
8	Trụ chống va Bờ Long Xuyên - Phà An Hòa		1999	30.169.034	30.169.034		[16]
	Tổng cộng			209.679.772.082	17.334.808.833	192.344.963.249	